TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-PT
Ngày: 17-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Như Phượng

Ông Lê Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 8, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Uyên T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Trần Uyên T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và bà Trần Uyên T là đồng nghiệp cùng công tác chung tại Trường Tiểu học N, thị xã A. Ngày 16-6-2020, bà Trần Uyên T có mượn của bà số tiền là

280.000.000đ, hẹn 06 tháng trả. Khi mượn tiền, bà T có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận số tiền nợ 280.000.000đ. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ, nhưng cho đến nay bà T vẫn không chịu trả nợ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Uyên T phải trả số tiền còn nợ là 280.000.000đ. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn bà Trần Uyên T trình bày:*

Trước đây, bà T có nhiều lần tiền của bà H nhưng đã trả nợ xong theo như 02 Giấy mượn tiền mà bà T đã cung cấp cho Tòa án với tổng số tiền là 220.000.000đ, do chồng bà T trả.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 16-6-2020 có ghi bà T mượn bà H số tiền 280.000.000đ, đây là số tiền lãi mẹ đẻ lãi con do bà H ép bà T viết thành tiền với số tiền là 280.000.000đ, không phải số tiền gốc bà T mượn bà H. Vì vậy, bà T không đồng ý trả số tiền 280.000.000đ theo yêu cầu giấy khởi kiện của bà H.

** Người làm chứng ông Võ Văn T trình bày:*

Ông là chồng của bà T, vào ngày 16-6-2020 ông có trả cho bà H số tiền 220.000.000đ thay cho bà T, theo hai giấy mượn tiền mà vợ ông là bà T cung cấp cho Tòa án. Trong hai giấy mượn tiền mà bà T cung cấp cho Tòa án, có dòng chữ *"đã trả xong 16/6/2020"* là do chính ông viết để chứng minh ông đã trả cho bà H số tiền 220.000.000đ. Đối với "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/6/2020 nội dung bà T có mượn bà H số tiền 280.000.000đ, thì ông không biết bà T có mượn hay không, sau này chỉ nghe bà T nói lại với ông. Ông không biết, nên không đồng ý cùng với bà T trả số nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Uyên T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc còn nợ là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Trần Uyên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000đ theo

biên lai thu tiền số 0001566 ngày 22-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31-12-2021, bị đơn là bà Trần Uyên T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu đưa ông Võ Văn T, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai và anh Trần Gia H, sinh năm 2001; địa chỉ: 26A đường H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị H phải giao nộp quyển sổ ghi nợ gốc của bà tại trang T nợ để làm rõ việc bà Trần Uyên T đã trả cho nguyên đơn 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) tại thời điểm buộc bà T phải ghi giấy mượn tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) lúc 16 giờ ngày 16-6-2021 mà tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nguyên đơn cho rằng bà T chưa trả nợ gốc cho nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai điều tra xác minh làm rõ bà Nguyễn Thị H đã lợi dụng việc bà T nợ tiền bà H để bạo lực hành hung gây sức ép buộc bà T phải ghi giấy mượn tiền với số tiền 280.0000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh điều tra làm rõ các dấu hiệu vi phạm pháp luật để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra công an thị xã A điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn giữ kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Trần Uyên T phải trả nợ vay là 280.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 16-6-2020 (bút

lục 22). Giấy mượn tiền này có nội dung: vào ngày 16-6-2020 bà Trần Uyên T mượn bà Hường 280.000.000 đồng, lãi là 0%, thời hạn mượn là 06 tháng.

Tham gia tố tụng, bà T trình bày: Bà chỉ vay bà H tổng cộng 220.000.000 đồng *(vay làm hai lần, tháng 2 năm 2017 vay 120.000.000 đồng, tháng 7 năm 2017 vay 100.000.000 đồng)*, lãi suất là 13.200.000 đồng/tháng. Chồng bà là ông Võ Văn T đã trả đủ 220.000.000 đồng nói trên cho bà H. Chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Uyên T trong Giấy mượn tiền ngày 16-6-2020 có nội dung bà vay của bà H 280.000.000 đồng là do bà ký và viết ra. Tuy nhiên khoản tiền 280.000.000 đồng này là tiền lãi mẹ đẻ lãi con của số tiền 220.000.000 đồng bà vay trước đó do bà H cộng lại và ép bà ký vào.

Để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật, bà T cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền đề ngày 2-2-2017 và 01 giấy mượn tiền đề ngày 12-7-2017 (bút lục 33 và 34). Bà T trình bày nội dung các giấy mượn tiền này là do bà viết, riêng dòng chữ *"đã trả xong 16/6/2020"* được viết bằng mực đen trong 02 giấy này là do chồng bà là ông Võ Văn T viết.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

02 giấy mượn tiền (bút lục 33 và 34) do bà T cung cấp là do vợ chồng bà T tự viết ra, không có xác nhận của bà H và bà H cũng không thừa nhận nội dung tại các giấy mượn tiền này. Do đó, không có cơ sở xác định có sự việc 280.000.000 đồng này là tiền lãi của khoản nợ 220.000.000 đồng và sự việc ông T đã trả 220.000.000 đồng cho bà H như bị đơn trình bày.

Bà T cũng cho rằng bà bị ép ký vào Giấy mượn tiền ngày 16-6-2020, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Đối với việc xác định tư cách tố tụng của chồng bà T là ông Võ Văn T thì thấy: Như đã phân tích trên, không có căn cứ chứng minh sự việc ông T đã trả 220.000.000 đồng cho bà H. Ngoài ra, tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T trình bày ông không biết sự việc bà T vay tiền bà H, ông không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Võ Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bà Thy là không cơ sở, nên không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Trần Uyên T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Uyên T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc còn nợ là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Uyên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hường số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001566 ngày 22-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Uyên T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011647 ngày 06-1-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; bà Trần Uyên Thy đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *TAND thị xã A;*
- *Chi cục THADS thị xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Giáp Bá Dự